

PHỤ LỤC 02

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN, CẤP XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-PVHCC ngày tháng 01 năm 2024 của Trung tâm Phục vụ hành chính công)

STT	TÊN CƠ QUAN	Bộ phận Một cửa (BPMC)	TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ					TÌNH HÌNH TRẢ KẾT QUẢ VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ									SỬ DỤNG DỊCH VỤ BCCI			
			Tổng số HSTN trong kỳ	Trong đó				Tổng số HS phải giải quyết	HS kỳ trước chuyển qua	Tổng số HS đã GQ & TKQ	Trong đó						Tổng số hồ sơ	Trong đó		Đạt %
				HSTN trực tiếp	Đạt %	HSTN trực tuyến	Đạt %				TKQ trước hạn	Đạt %	TKQ đúng hạn	Đạt %	Hồ sơ trễ hạn	Đạt %		Tiếp nhận	Trả kết quả	
1	Huyện Yên Mô	Cấp huyện	4.154	439	11	3.715	89	4.287	133	4.053	3.948	97,41	105	2,59	0	0	1.341	15	1.326	31,28
		Cấp xã (17 đơn vị)	35.262	2.473	7,01	32.789	92,99	35.309	47	35.336	11.283	31,93	24.053	68,07	0	0	154	4	150	0,44
2	Thành phố Ninh Bình	Cấp huyện	7.946	2.183	27,5	5.763	72,5	8.133	187	6.732	6.606	98,13	126	1,87	0	0	284	0	284	3,49
		Cấp xã (14 đơn vị)	55.579	1.385	2,49	54.194	97,51	55.641	62	55.017	5.726	10,41	49.286	89,58	5	0,01	7	0	7	0,01
3	Thành phố Tam Điệp	Cấp huyện	3.600	1.789	49,69	1.811	50,31	3.670	70	3.626	3.625	99,97	1	0,03	0	0	1.186	0	1.186	32,32
		Cấp xã (9 đơn vị)	15.760	1.064	6,75	14.696	93,25	15.780	20	15.742	2.977	18,91	12.765	81,09	0	0	569	10	559	3,61
4	Huyện Gia Viễn	Cấp huyện	1.325	247	18,64	1.078	81,36	1.332	7	1.299	1.270	97,77	29	2,23	0	0	68	0	68	5,11
		Cấp xã (21 đơn vị)	38.354	1.228	3,2	37.126	96,8	38.422	68	38.211	11.197	29,3	27.014	70,7	0	0	737	316	421	1,92
5	Huyện Nho Quan	Cấp huyện	4.309	1.280	29,71	3.029	70,29	4.424	115	4.981	4.962	99,62	15	0,3	4	0,08	507	0	507	11,46
		Cấp xã (27 đơn vị)	46.759	7.313	15,6	39.446	84,4	46.773	14	46.820	28.073	59,96	18.741	40,03	6	0,01	35	27	8	0,07
6	Huyện Kim Sơn	Cấp huyện	3.697	2.228	60,27	1.469	39,73	3.932	235	3.683	3.533	95,93	150	4,07	0	0	1.125	773	352	28,6
		Cấp xã (25 đơn vị)	25.389	1.546	6,09	23.843	93,91	25.664	275	25.399	22.033	86,75	3.354	13,2	12	0,05	5.013	317	4.696	19,53
7	Huyện Hoa Lư	Cấp huyện	1.140	28	2,46	1.112	97,54	1.153	13	1.107	1.105	100	2	0	0	0	617	0	617	53,51
		Cấp xã (11 đơn vị)	13.654	3.739	27,4	9.915	72,6	13.658	4	13.589	7.528	55,40	6.061	44,60	0	0,00	0	0	0	0
8	Huyện Yên Khánh	Cấp huyện	2.054	206	10,03	1.848	89,97	2.070	16	2.086	2.043	97,94	38	1,82	5	0,24	92	0	92	4,44
		Cấp xã (19 đơn vị)	45.208	7.860	17,39	37.348	82,61	45.286	78	45.083	15.186	33,68	29.880	66,28	17	0,04	4.014	1.041	2.973	8,86
TỔNG CỘNG			304.190	35.008	11,51	269.182	88,49	305.534	1.344	302.764	131.095	43,3	171.620	56,68	49	0,02	15.749	2.503	13.246	5,15